

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-PT
Ngày 09 - 4 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Lê Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2026/TLPT-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2026 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 145/2025/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A-Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2026/QĐPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Phi N, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số I ấp H, xã P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp H, xã P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Luật sư Nguyễn Minh T – Công ty L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Hồ Thị H - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà H do mai mối tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 17/01/2001. Thời gian đầu khi chung sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn ngày càng gay gắt, ông và bà H đã ly thân với nhau khoảng 03 năm qua, không ai quan tâm chăm sóc cho ai, hiện tại ông không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu giải quyết ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung tên Lưu Phi L, sinh ngày 30/8/2001; Lưu Bích T1, sinh ngày 20/7/2006; Lưu Nhật L1, sinh ngày 30/10/2012, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi N, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Đối với Phi L và Bích T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong trường hợp Nhật L1 có ý kiến sống chung với ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Hồ Thị H trình bày: Về hôn nhân, bà thống nhất như ông N trình bày là đúng nhưng mâu thuẫn vợ chồng thì ông N trình bày không đúng. Ông N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, việc này bà và các con đều biết và bắt gặp khuyên ông N quay về với gia đình nhiều lần nhưng ông N lại làm đơn xin ly hôn với bà. Bà còn thương chồng, thương con nên không đồng ý ly hôn. Ông N cho rằng vợ chồng ly thân 03 năm qua là không có, bà và ông N vẫn sống chung nhà vẫn sinh hoạt cùng các con, hơn một tháng qua ông N không ăn cơm nhà, bà hỏi thì ông N nói ăn cơm ở chỗ làm hoặc ăn cơm ở nhà mẹ chồng bà.

Về con chung: Bà và ông N có 03 con chung tên Lưu Phi L, sinh ngày 30/8/2001; Lưu Bích T1, sinh ngày 20/7/2006; Lưu Nhật L1, sinh ngày 30/10/2012. Trong trường hợp Tòa án cho bà và ông N ly hôn với nhau thì bà tôn trọng quyết định của Nhật L1, con muốn sống với ai thì người đó nuôi, người kia không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 145/2025/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A-Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 200, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghi

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ông Lưu Phi N được ly hôn với bà Hồ Thị H.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Lưu Phi L, sinh ngày 30/8/2001; Lưu Bích T1, sinh ngày 20/7/2006; Lưu Nhật L1, sinh ngày 30/10/2012. Phi Long và Bích T1 đã trưởng thành Tòa án không xem xét.

Giao Lưu Nhật L1, sinh ngày 30/10/2012 cho bà Hồ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lưu Phi N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.080.000 đồng cho đến khi cháu Nhật L1 tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, bà H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn có thể hàn gắn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H trình bày: Bà mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để nuôi 03 con chung. Ông N xin ly hôn là do có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, lý do ông N xin ly hôn cho rằng bà không tôn trọng ông Nghĩa L2 không đúng. Bà không đồng ý ly hôn với ông N, biện pháp hàn gắn của bà là sẽ tôn trọng ông N và muốn ông N chấm dứt quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì bà cũng chấp nhận và đồng ý nuôi con Nhật Long chưa thành niên, đồng ý thời gian cấp dưỡng là tháng 5/2026 đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Ông N trình bày: Không đồng ý kháng cáo của bà H. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về con chung: Con đã thành niên ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, con chung Nhật Long chưa thành niên giao bà H nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.080.000 đồng, thời gian thực hiện cấp dưỡng từ tháng 5/2026.

Luật sư Nguyễn Minh T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà H trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên đã vận động, phân tích rất nhiều để ông N và bà H có thể hàn gắn đoàn tụ nhưng ông N vẫn cương quyết ly hôn. Trong quá trình chung sống ông N cho rằng bà H không tôn trọng nhưng yêu cầu ly hôn ông N cũng không có căn cứ chứng minh mâu thuẫn đã trầm trọng. Bà H mong muốn hàn gắn đoàn tụ để vợ chồng cùng lo cho con. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị H. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 145/2025/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A-Vĩnh Long.

Về án phí phúc thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Phi N và bà Hồ Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng ông N khởi kiện xin ly hôn bà H. Bản án sơ thẩm xử cho ông N được ly hôn bà H. Bà H kháng cáo không đồng ý ly hôn.

[2] Xét kháng cáo của bà H: Tại phiên tòa phúc thẩm bà H trình bày, bà mong muốn được đoàn tụ vì bà còn thương ông N và vợ chồng cùng chăm lo cho con có đầy đủ cha mẹ, việc ông N xin ly hôn với bà do ông N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Về phía ông N trình bày, sau khi ông và bà H kết hôn chung sống một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong quá trình vợ chồng chung sống bà H không chăm sóc, không tôn trọng ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N cho rằng vì không thể trò chuyện

chia sẻ cùng nhau nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2022. Nay ông N xác định ông không còn tình cảm dành cho bà H nên ông mới xin ly hôn, ông N cương quyết không đồng ý hàn gắn đoàn tụ với bà H. Bà H không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp nào hàn gắn đoàn tụ.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định tình nghĩa vợ chồng: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, nhưng ông N xác định không còn tình cảm với bà H nên không thể tiếp tục cùng nhau thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với bà H, vì vậy Bản án sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và quyết định cho ông N được ly hôn với bà H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, kháng cáo của bà H yêu cầu đoàn tụ không có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Ông N và bà H cùng xác định ông bà có 03 con chung tên Lưu Phi L, sinh ngày 30/8/2001; Lưu Bích T1, sinh ngày 20/7/2006; Lưu Nhật L1, sinh ngày 30/10/2012. Đối với con chung Lưu Phi L và Lưu Bích T1 đã trưởng thành ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Lưu Nhật L1 có nguyện vọng sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Ông N và bà H cũng thỏa thuận giao con chung Nhật L1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.080.000 đồng cho đến khi cháu Nhật L1 tròn 18 tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận thỏa thuận của ông N và bà H là phù hợp quy định Điều 81, 82 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên thời hạn bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là chưa đảm bảo quyền lợi cho con chung, tại phiên tòa phúc thẩm ông N và bà H thỏa thuận thống nhất thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2026 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự; ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên nghĩa vụ cấp dưỡng cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi là chưa chính xác, bởi lẽ nếu trường hợp người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi nhưng không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình mà không sống chung thì người có nghĩa vụ phải tiếp tục cấp dưỡng, do đó sửa bản án về thời gian cấp dưỡng và sửa lại cách tuyên.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị H, sửa Bản án sơ thẩm số: 145/2025/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A-Vĩnh Long.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do sửa án sơ thẩm nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định trên nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị H. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 145/2025/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A-Vĩnh Long về thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Phi N. Ông Lưu Phi N được ly hôn với bà Hồ Thị H.

- Về con chung: Ông N và bà H có 03 con chung gồm: Lưu Phi L, sinh ngày 30/8/2001; Lưu Bích T1, sinh ngày 20/7/2006; Lưu Nhật L1, sinh ngày 30/10/2012. Do con chung Phi L và Bích T1 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao con chung Lưu Nhật L1, sinh ngày 30/10/2012 cho bà Hồ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lưu Phi N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.080.000 đồng cho đến khi con chung Nhật Long đủ tuổi trưởng thành. Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 5/2026.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp ngày 07/01/2026 theo biên lai thu số N₀0000323 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tài sản chung, nợ chung không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT III - TANDTC;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GDKTTTr&THA TAND TVL;
- TAND KV A-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã P, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Mỹ Dung

